

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Giáo dục chính trị - MH1109014

Mã lớp học phần: MH110901402

Số tín chỉ: 4

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Phương Ngọc Anh - (07027)

Ngày thi: 29.3.2021 Giờ thi: 14h00 Phòng thi: A1.12

Giám thị 1: Ngô Phương Ngọc Anh Ký tên: Anh

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010100163	Nguyễn Thị Thu Ba	15/04/2002				C22QT5	Cấm thi
2	2010100150	Mai Bảo Châu	15/10/2002	<u>Chau</u>	6.5	Sáu rưỡi	C22QT5	
3	2010100175	Ngô Trần Phúc Đại	18/03/2002	<u>Đại</u>	7.5	Bảy rưỡi	C22QT6	
4	2010100184	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	29/05/2002	<u>Diệp</u>	9.0	Chín chẵn	C22QT6	
5	2010100151	Bùi Thị Bích Hạ	09/12/2002	<u>Hạ</u>	9.0	Chín chẵn	C22QT5	
6	2010100154	Nguyễn Thụy Ngọc Hiền	29/08/2002	<u>Hiền</u>	10	Mười	C22QT5	
7	2010100179	Khương Nhật Hiếu	11/05/2001				C22QT6	Cấm thi
8	2010100192	Đoàn Thị Hoài	15/06/2002	<u>Hoài</u>	8.0	Tám chẵn	C22QT6	
9	2010100146	Nguyễn Thị Như Huỳnh	19/10/2002	<u>Huỳnh</u>	8.0	Tám chẵn	C22QT5	
10	2010100098	Lê Thanh Hương	17/09/2001				C22QT5	Cấm thi
11	2010100159	Đinh Gia Khang	14/11/2020	<u>Khang</u>	7.5	Bảy rưỡi	C22QT5	
12	2010100168	Phạm Đăng Khoa	29/04/2002	<u>Khoa</u>	7.0	Bảy chẵn	C22QT6	
13	2010100174	Trần Mạnh Long	20/11/2000	<u>Long</u>	6.0	Sáu chẵn	C22QT6	
14	2010100187	Nguyễn Võ Tấn Luận	03/06/2002	<u>Luận</u>	8.0	Tám chẵn	C22QT6	
15	2010100185	Đỗ Tuyết Minh	04/07/2002	<u>Minh</u>	7.0	Bảy chẵn	C22QT6	
16	2010100188	Lê Bình Minh	16/09/2002	<u>Minh</u>	10	Mười	C22QT6	
17	2010100167	Nguyễn Đức Minh	08/11/2002	<u>Minh</u>	7.5	Bảy rưỡi	C22QT6	
18	2010010048	Nguyễn Trần Trọng Nghĩa	15/07/2002	<u>Nghĩa</u>	8.5	Tám rưỡi	C22QT6	
19	2010100171	Trần Cao Ngọc Nhi	20/09/2002	<u>Nhi</u>	7.0	Bảy chẵn	C22QT6	
20	2010100158	Trần Thị Kiều Oanh	24/10/2001	<u>Oanh</u>	5.0	Năm chẵn	C22QT5	
21	2010100165	Trần Anh Hoàng Phi	24/05/2002	<u>Phi</u>	8.0	Tám chẵn	C22QT5	
22	2010010042	Đinh Chấn Phong	08/09/2002	<u>Phong</u>	8.0	Tám chẵn	C22QT6	
23	2010100166	Nguyễn Thị Thanh Phương	15/10/2002	<u>Phương</u>	8.0	Tám chẵn	C22QT6	
24	2010100189	Nguyễn Đình Quốc	14/08/1999	<u>Quốc</u>	6.5	Sáu rưỡi	C22QT6	
25	2010100169	Bùi Ngọc Quyên	06/12/2002	<u>Quyên</u>	6.0	Sáu chẵn	C22QT6	
26	2010100190	Nguyễn Thị Ngọc Sang	12/01/2002	<u>Sang</u>	10	Mười	C22QT6	
27	2010100164	Nguyễn Hoàng Sơn	24/04/2002	<u>Sơn</u>	6.5	Sáu rưỡi	C22QT5	
28	2010100170	Lê Văn Tâm	07/08/2002	<u>Tâm</u>	10	Mười	C22QT6	
29	2010100181	Lê Minh Tân	06/09/2002	<u>Tân</u>	7.5	Bảy rưỡi	C22QT6	
30	2010100141	Nguyễn Trí Thanh	11/04/2001	<u>Thanh</u>	10	Mười	C22QT5	
31	2010130025	Châu Thanh Thảo	26/07/2002	<u>Thảo</u>	10	Mười	C22QT5	
32	2010100153	Hồ Đỗ Trung Thảo	15/09/2001	<u>Thảo</u>	10	Mười	C22QT5	
33	2010100155	Nguyễn Thuận Thảo	26/12/1993	<u>Thảo</u>	10	Mười	C22QT5	
34	2010100161	Phạm Thị Thu Thảo	11/02/2002	<u>Thảo</u>	6.5	Sáu rưỡi	C22QT5	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
35	2010100160	Tô Loan Thảo	18/04/2002	<i>Thảo</i>	6.5	Sáu mươi	C22QT5	
36	2010100162	Phạm Thị Hồng Thắm	02/10/2002	<i>Thắm</i>	7.5	Bảy mươi	C22QT5	
37	2010100157	Võ Hồng Thắm	09/03/2002	<i>Thắm</i>	9.5	Chín mươi	C22QT5	
38	2010100152	Nguyễn Tuệ Thư	01/09/2002	<i>Thư</i>	6.5	Sáu mươi	C22QT5	
39	2010100145	Võ Ngọc Anh Thư	29/10/2002	<i>Thư</i>	7.0	Bảy mươi	C22QT5	
40	2010100193	Huỳnh Thị Cẩm Tiên	06/03/2002	<i>Tiên</i>	7.0	Bảy mươi	C22QT6	
41	2010100183	Nguyễn Hoàng Thủy Tiên	16/12/2002	<i>Tiên</i>	7.0	Bảy mươi	C22QT6	
42	2010100176	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	09/10/2002	<i>Trâm</i>	5.5	Năm mươi	C22QT6	
43	2010100186	Tạ Thiên Triều	27/11/2002	<i>Triều</i>	10	Mười	C22QT6	
44	2010100196	Bùi Lê Đức Trung	17/10/2002	<i>Trung</i>	6.5	Sáu mươi	C22QT5	
45	2010100147	Dương Minh Tuấn	19/08/2002				C22QT5	Có mặt thi
46	2010100140	Trần Ngọc Thúy Vi	24/09/2001	<i>Vi</i>	10	Mười	C22QT5	
47	2010100156	Cao Nguyễn Phương Vy	06/09/2002	<i>Vy</i>	7.0	Bảy mươi	C22QT5	
48	2010100112	Nguyễn Thị Kim Xuyến	27/02/2002	<i>Xuyến</i>	9.5	Chín mươi	C22QT5	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi: 48 vắng thi: 04 Số bài thi: 44 / 48.

Số sinh viên đạt/không đạt: 44 / 4

Tỷ lệ đạt: 91 , 61%

Ngày.....tháng.....năm.....

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 06 tháng 4 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Ph

Nguyễn Phương Ngọc Anh



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Giáo dục chính trị - MH1109014

Mã lớp học phần: MH110901402

Số tín chỉ: 4

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Phương Ngọc Anh - (07027)

Ngày thi: 01/3/2021 Giờ thi: 16h00 Phòng thi: A1 12

Giám thị 1: Ng. Phương Ngọc Anh Ký tên: Am

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010100163	Nguyễn Thị Thu Ba	15/04/2002		0.0	không	C22QT5	Cấm thi
2	2010100150	Mai Bảo Châu	15/10/2002	<u>Chau</u>	7.0	Bảy chẵn	C22QT5	
3	2010100175	Ngô Trần Phúc Đại	18/03/2002	<u>Đại</u>	7.0	Bảy chẵn	C22QT6	
4	2010100184	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	29/05/2002	<u>Diệp</u>	9.0	Chín chẵn	C22QT6	
5	2010100151	Bùi Thị Bích Hạ	09/12/2002	<u>Hạ</u>	5.5	Năm rưỡi	C22QT5	
6	2010100154	Nguyễn Thụy Ngọc Hiền	29/08/2002	<u>Hiền</u>	10	Mười	C22QT5	
7	2010100179	Khuong Nhật Hiếu	11/05/2001		5.0	Năm chẵn	C22QT6	Cấm thi
8	2010100192	Đoàn Thị Hoài	15/06/2002	<u>Hoài</u>	6.5	Sáu rưỡi	C22QT6	
9	2010100146	Nguyễn Thị Như Huỳnh	19/10/2002	<u>Huỳnh</u>	7.5	Bảy rưỡi	C22QT5	
10	2010100098	Lê Thanh Hương	17/09/2001				C22QT5	Cấm thi
11	2010100159	Đình Gia Khang	14/11/2020	<u>Khang</u>	8.0	Tám chẵn	C22QT5	
12	2010100168	Phạm Đăng Khoa	29/04/2002	<u>Khoa</u>	7.5	Bảy rưỡi	C22QT6	
13	2010100174	Trần Mạnh Long	20/11/2000	<u>Long</u>	7.5	Bảy rưỡi	C22QT6	
14	2010100187	Nguyễn Võ Tấn Luận	03/06/2002	<u>Luận</u>	7.5	Bảy rưỡi	C22QT6	
15	2010100185	Đỗ Tuyết Minh	04/07/2002	<u>Minh</u>	8.0	Tám chẵn	C22QT6	
16	2010100188	Lê Bình Minh	16/09/2002	<u>Minh</u>	9.0	Chín chẵn	C22QT6	
17	2010100167	Nguyễn Đức Minh	08/11/2002	<u>Minh</u>	9.0	Chín chẵn	C22QT6	
18	2010010048	Nguyễn Trần Trọng Nghĩa	15/07/2002		7.5	Bảy rưỡi	C22QT6	
19	2010100171	Trần Cao Ngọc Nhi	20/09/2002	<u>Nhi</u>	8.5	Tám rưỡi	C22QT6	
20	2010100158	Trần Thị Kiều Oanh	24/10/2001	<u>Oanh</u>	8.5	Tám rưỡi	C22QT5	
21	2010100165	Trần Anh Hoàng Phi	24/05/2002	<u>Phi</u>	5.0	Năm chẵn	C22QT5	
22	2010010042	Đình Chấn Phong	08/09/2002	<u>Phong</u>	8.0	Tám chẵn	C22QT6	
23	2010100166	Nguyễn Thị Thanh Phương	15/10/2002	<u>Phương</u>	5.5	Năm rưỡi	C22QT6	
24	2010100189	Nguyễn Đình Quốc	14/08/1999	<u>Quốc</u>	9.0	Chín chẵn	C22QT6	
25	2010100169	Bùi Ngọc Quyên	06/12/2002	<u>Quyên</u>	8.0	Tám chẵn	C22QT6	
26	2010100190	Nguyễn Thị Ngọc Sang	12/01/2002	<u>Sang</u>	9.5	Chín rưỡi	C22QT6	
27	2010100164	Nguyễn Hoàng Sơn	24/04/2002	<u>Sơn</u>	5.0	Năm chẵn	C22QT5	
28	2010100170	Lê Văn Tâm	07/08/2002	<u>Tâm</u>	10	Mười	C22QT6	
29	2010100181	Lê Minh Tân	06/09/2002	<u>Tân</u>	7.5	Bảy rưỡi	C22QT6	
30	2010100141	Nguyễn Trí Thanh	11/04/2001	<u>Thanh</u>	10	Mười	C22QT5	
31	2010130025	Châu Thanh Thảo	26/07/2002	<u>Thảo</u>	6.5	Sáu rưỡi	C22QT5	
32	2010100153	Hồ Đỗ Trung Thảo	15/09/2001	<u>Thảo</u>	6.5	Sáu rưỡi	C22QT5	
33	2010100155	Nguyễn Thuận Thảo	26/12/1993	<u>Thảo</u>	10	Mười	C22QT5	
34	2010100161	Phạm Thị Thu Thảo	11/02/2002	<u>Thảo</u>	5.0	Năm chẵn	C22QT5	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
35	2010100160	Tô Loan	Thảo	18/04/2002	<i>Thảo</i>	5.0	Năm chẵn	C22QT5
36	2010100162	Phạm Thị Hồng	Thắm	02/10/2002	<i>Thắm</i>	8.5	Tám rưỡi	C22QT5
37	2010100157	Võ Hồng	Thắm	09/03/2002	<i>Thắm</i>	7.0	Bảy chẵn	C22QT5
38	2010100152	Nguyễn Tuệ	Thư	01/09/2002	<i>Thư</i>	5.0	Năm chẵn	C22QT5
39	2010100145	Võ Ngọc Anh	Thư	29/10/2002	<i>Thư</i>	7.0	Bảy chẵn	C22QT5
40	2010100193	Huỳnh Thị Cẩm	Tiên	06/03/2002	<i>Tiên</i>	7.5	Bảy rưỡi	C22QT6
41	2010100183	Nguyễn Hoàng Thùy	Tiên	16/12/2002	<i>Tiên</i>	7.0	Bảy chẵn	C22QT6
42	2010100176	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	09/10/2002	<i>Trâm</i>	8.0	Tám chẵn	C22QT6
43	2010100186	Tạ Thiên	Triều	27/11/2002	<i>Triều</i>	8.5	Tám rưỡi	C22QT6
44	2010100196	Bùi Lê Đức	Trung	17/10/2002	<i>Trung</i>	8.0	Tám chẵn	C22QT5
45	2010100147	Dương Minh	Tuấn	19/08/2002				C22QT5
46	2010100140	Trần Ngọc Thúy	Vi	24/09/2001	<i>Vi</i>	7.0	Bảy chẵn	C22QT5
47	2010100156	Cao Nguyễn Phương	Vy	06/09/2002	<i>Vy</i>	9.0	Chín chẵn	C22QT5
48	2010100112	Nguyễn Thị Kim	Xuyến	27/02/2002	<i>Xuyến</i>	7.0	Bảy chẵn	C22QT5

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi: 48 vắng thi: 04. Số bài thi: 44 / 48.

Số sinh viên đạt/không đạt: 44 / 4

Tỷ lệ đạt: 91 , 61%

Ngày.....tháng.....năm.....

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày. 06. tháng 4. năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Phong

Nguyễn Phương Ngọc Anh.

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Giáo dục chính trị - MH1109014

Mã lớp học phần: MH110901402

Số tín chỉ: 4

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Phương Ngọc Anh - (07027)

Ngày thi: 01.3.2021 Giờ thi: 16h00 Phòng thi: A1.12

Giám thị 1: Ng. Phương Ngọc Anh Ký tên: Am

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010110012	Nguyễn Thị Như Bình	01/08/2002	<u>Như Bình</u>	6.0	Sáu chẵn	C22QT4	
2	2010100138	Nguyễn Thị Minh Châu	30/07/2002	<u>Châu</u>	8.0	Tám chẵn	C22QT4	
3	2010100116	Hồ Thị Thùy Dung	11/05/2002	<u>Dung</u>	5.0	Năm chẵn	C22QT4	
4	2010100108	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	23/07/2002	<u>Duyên</u>	7.5	Bảy rưỡi	C22QT4	
5	2010100131	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	01/02/2002	<u>Duyên</u>	8.0	Tám chẵn	C22QT4	
6	2010100122	Võ Lê Ngọc Duyên	23/02/2002	<u>Duyên</u>	9.0	Chín chẵn	C22QT4	
7	2010100129	Lâm Thùy Dương	17/08/2002	<u>Thùy Dương</u>	10	Mười	C22QT4	
8	2010100111	Võ Thị Thùy Dương	10/10/2002	<u>td</u>	7.0	Bảy chẵn	C22QT4	
9	2010100119	Trần Nguyễn Phương Đào	06/05/2002	<u>Đào</u>	7.5	Bảy rưỡi	C22QT4	
10	2010110018	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	27/02/2001	<u>Thị Hạnh</u>	5.0	Năm chẵn	C22QT4	
11	2010100101	Trương Văn Hiếu	01/01/2002	<u>Hiếu</u>	10	Mười	C22QT4	
12	2010100124	Nguyễn Thị Mỹ Huyền	20/05/2002	<u>Huyền</u>	9.0	Chín chẵn	C22QT4	
13	2010100115	Phạm Ngọc Lâm	08/06/2002	<u>Lâm</u>	5.5	Năm rưỡi	C22QT4	
14	2010100125	Nguyễn Thị Nhà Linh	16/06/2002	<u>Nhà Linh</u>	6.0	Sáu chẵn	C22QT4	
15	2010100136	Phạm Hoàng Duy Linh	17/11/2002	<u>Linh</u>	9.5	Chín rưỡi	C22QT4	
16	2010100121	Nguyễn Ngọc Long	14/10/2002	<u>Long</u>	7.5	Bảy rưỡi	C22QT4	
17	2010100123	Từ Lâm Yên Mi	06/07/2002	<u>Yên Mi</u>	8.5	Tám rưỡi	C22QT4	
18	2010100135	Huỳnh Thanh Nga	15.08.2002	<u>Nga</u>	7.5	Bảy rưỡi	C22QT4	
19	2010100114	Đào Ngọc Kim Ngân	04/03/2002	<u>Ngân</u>	10	Mười	C22QT4	
20	2010100117	Đoàn Thị Mỹ Nhân	13/06/2002	<u>Nhân</u>	8.5	Tám rưỡi	C22QT4	
21	2010100113	Quách Minh Phi	10/05/2002	<u>Phi</u>	5.5	Năm rưỡi	C22QT4	
22	2010100134	Nguyễn Thái Phong	22/04/2002	<u>Phong</u>	7.0	Bảy chẵn	C22QT4	
23	2010100107	Đào Võ Xuân Quang	12/02/2002	<u>Quang</u>	10	Mười	C22QT4	
24	2010100130	Sakyna	22/12/2002	<u>Sakyna</u>	8.5	Tám rưỡi	C22QT4	
25	2010100137	Phan Hữu Tài	30/10/2002	<u>Tài</u>	5.0	Năm chẵn	C22QT4	
26	2010100118	Lê Huỳnh Thu Thảo	12/12/2002	<u>Thảo</u>	8.5	Tám rưỡi	C22QT4	
27	2010100133	Trần Quốc Thắng	03/10/2002	<u>Thắng</u>	10	Mười	C22QT4	
28	2010100110	Trương Minh Thiện	22/11/2002	<u>Thiện</u>	10	Mười	C22QT4	
29	2010100109	Lưu Thảo Trang	10/11/2000	<u>Trang</u>	10	Mười	C22QT4	
30	2010100128	Nguyễn Thị Ngọc Trang	06/05/2001	<u>Trang</u>	7.0	Bảy chẵn	C22QT4	
31	2010100126	Trần Thu Trang	27/12/2002	<u>Trang</u>	7.0	Bảy chẵn	C22QT4	
32	2010100149	Nguyễn Huỳnh Quế Trân	27/07/2002	<u>Trân</u>	7.0	Bảy chẵn	C22QT4	
33	2010100127	Đặng Văn Truyền	27/01/2002	<u>Truyền</u>	9.0	Chín chẵn	C22QT4	
34	2010100132	Nguyễn Thanh Tuyết	26/11/2002	<u>Thanh Tuyết</u>	8.5	Tám rưỡi	C22QT4	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
35	2010100120	Hồ Văn Văn	07/07/2002	<i>Vu</i>	8.0	Tám chẵn	C22QT4	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi: 35 vắng thi: 00 Số bài thi: 35 / 35.

Số sinh viên đạt/không đạt: 35 / 00

Tỷ lệ đạt: 100,00 %

Ngày.....tháng.....năm.....

TRƯỜNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 06 tháng 4 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Am

Nguyễn Phương Ngọc Anh.

TRƯỜNG

KHẢO

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Giáo dục chính trị - MH1109014

Mã lớp học phần: MH110901402

Số tín chỉ: 4

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Phương Ngọc Anh - (07027)

Ngày thi: 29.3.2021 Giờ thi: 14h00 Phòng thi: A1.12

Giám thị 1: Nguyễn Phương Ngọc Anh Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010110012	Nguyễn Thị Như Bình	01/08/2002	<u>[Signature]</u>	8.5	Tám rưỡi	C22QT4	
2	2010100138	Nguyễn Thị Minh Châu	30/07/2002	<u>[Signature]</u>	7.5	Bảy rưỡi	C22QT4	
3	2010100116	Hồ Thị Thùy Dung	11/05/2002	<u>[Signature]</u>	6.5	Sáu rưỡi	C22QT4	
4	2010100108	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	23/07/2002	<u>[Signature]</u>	8.0	Tám chẵn	C22QT4	
5	2010100131	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	01/02/2002	<u>[Signature]</u>	8.5	Tám rưỡi	C22QT4	
6	2010100122	Võ Lê Ngọc Duyên	23/02/2002	<u>[Signature]</u>	10	Mười	C22QT4	
7	2010100129	Lâm Thùy Dương	17/08/2002	<u>[Signature]</u>	10	Mười	C22QT4	
8	2010100111	Võ Thị Thùy Dương	10/10/2002	<u>[Signature]</u>	9.5	Chín rưỡi	C22QT4	
9	2010100119	Trần Nguyễn Phương Đào	06/05/2002	<u>[Signature]</u>	7.5	Bảy rưỡi	C22QT4	
10	2010110018	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	27/02/2001	<u>[Signature]</u>	7.5	Bảy rưỡi	C22QT4	
11	2010100101	Trương Văn Hiếu	01/01/2002	<u>[Signature]</u>	8.0	Tám chẵn	C22QT4	
12	2010100124	Nguyễn Thị Mỹ Huyền	20/05/2002	<u>[Signature]</u>	9.0	Chín chẵn	C22QT4	
13	2010100115	Phạm Ngọc Lâm	08/06/2002	<u>[Signature]</u>	7.5	Bảy rưỡi	C22QT4	
14	2010100125	Nguyễn Thị Nhã Linh	16/06/2002	<u>[Signature]</u>	10	Mười	C22QT4	
15	2010100136	Phạm Hoàng Duy Linh	17/11/2002	<u>[Signature]</u>	10	Mười	C22QT4	
16	2010100121	Nguyễn Ngọc Long	14/10/2002	<u>[Signature]</u>	6.5	Sáu rưỡi	C22QT4	
17	2010100123	Từ Lâm Yến Mi	06/07/2002	<u>[Signature]</u>	7.5	Bảy rưỡi	C22QT4	
18	2010100135	Huỳnh Thanh Nga	15.08.2002	<u>[Signature]</u>	8.0	Tám chẵn	C22QT4	
19	2010100114	Đào Ngọc Kim Ngân	04/03/2002	<u>[Signature]</u>	10	Mười	C22QT4	
20	2010100117	Đoàn Thị Mỹ Nhân	13/06/2002	<u>[Signature]</u>	10	Mười	C22QT4	
21	2010100113	Quách Minh Phi	10/05/2002	<u>[Signature]</u>	9.0	Chín chẵn	C22QT4	
22	2010100134	Nguyễn Thái Phong	22/04/2002	<u>[Signature]</u>	10	Mười	C22QT4	
23	2010100107	Đào Võ Xuân Quang	12/02/2002	<u>[Signature]</u>	10	Mười	C22QT4	
24	2010100130	Sakyna	22/12/2002	<u>[Signature]</u>	10	Mười	C22QT4	
25	2010100137	Phan Hữu Tài	30/10/2002	<u>[Signature]</u>	6.5	Sáu rưỡi	C22QT4	
26	2010100118	Lê Huỳnh Thu Thảo	12/12/2002	<u>[Signature]</u>	10	Mười	C22QT4	
27	2010100133	Trần Quốc Thắng	03/10/2002	<u>[Signature]</u>	10	Mười	C22QT4	
28	2010100110	Trương Minh Thiện	22/11/2002	<u>[Signature]</u>	10	Mười	C22QT4	
29	2010100109	Lưu Thảo Trang	10/11/2000	<u>[Signature]</u>	10	Mười	C22QT4	
30	2010100128	Nguyễn Thị Ngọc Trang	06/05/2001	<u>[Signature]</u>	10	Mười	C22QT4	
31	2010100126	Trần Thu Trang	27/12/2002	<u>[Signature]</u>	10	Mười	C22QT4	
32	2010100149	Nguyễn Huỳnh Quế Trân	27/07/2002	<u>[Signature]</u>	7.5	Bảy rưỡi	C22QT4	
33	2010100127	Đặng Văn Truyền	27/01/2002	<u>[Signature]</u>	10	Mười	C22QT4	
34	2010100132	Nguyễn Thanh Tuyết	26/11/2002	<u>[Signature]</u>	10	Mười	C22QT4	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
35	2010100120	Hồ Văn Văn	07/07/2002	<i>Văn</i>	8.5	Tám lăm	C22QT4	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 35 vắng thi: 00 . Số bài thi: 35 / 35 .

Số sinh viên đạt/không đạt: 35 / 00

Tỷ lệ đạt: 100 , 100 %

Ngày.....tháng.....năm.....

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 06..tháng 4..năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Phạm

Nguyễn Phương Ngọc Anh.

TRƯ

KHẢ

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Giáo dục chính trị - MH1109014

Mã lớp học phần: MH110901402

Số tín chỉ: 4

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Phương Ngọc Anh - (07027)

Ngày thi: 01.3.2021 Giờ thi: 16h00 Phòng thi: A1 12

Giám thị 1: Nguyễn Phương Ngọc Anh Ký tên: PN

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010030033	Lương Chánh Hưng	21/12/2002	<u>Hung</u>	<u>8.0</u>	<u>Tám chữ</u>	C22DDT	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 01 vắng thi: 00 . Số bài thi: 01 / 01 .

Số sinh viên đạt/không đạt: 01 / 00

Tỷ lệ đạt: 100 , 00 %

Ngày.....tháng.....năm.....

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày: 01 tháng 4 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

PN
Nguyễn Phương Ngọc Anh.

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Giáo dục chính trị - MH1109014

Giám thị 1: Ng. Phương Ngọc Anh Ký tên: Amo

Mã lớp học phần: MH110901402

Số tín chỉ: 4

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Phương Ngọc Anh - (07027)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: 29.3.2021 Giờ thi: 14h00 Phòng thi: A1.12

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010030033	Lương Chánh Hưng	21/12/2002	<u>Hưng</u>	<u>75</u>	<u>Bảy mươi</u>	C22DDT	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 01 vắng thi: 00 . Số bài thi: 01 / 01 .

Số sinh viên đạt/không đạt: 01 / 00

Tỷ lệ đạt: 100 , 00 %

Ngày.....tháng.....năm.....

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày: 06 tháng 4 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Amo
Nguyễn Phương Ngọc Anh.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN GIẢI TRÌNH VỀ VIỆC CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM BỊ LỖI

Kính gửi Ban giám hiệu trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị doanh nghiệp.

Tôi tên Nguyễn Phương Ngọc Anh, là giảng viên môn Giáo dục Chính trị đã thực hiện giảng dạy lớp học phần: MH110901402, học kì I, năm học: 2020-2021.

Trong quá trình thi kết thúc học phần môn Giáo dục Chính trị ngày 15/4/2021, đề thi có 02 câu bị lỗi, sau đây tôi xin giải trình vì lí do như sau:

Thứ nhất, một câu bị lỗi do câu đó là mẫu đề hướng dẫn giảng viên tạo câu hỏi, nhưng khi soạn đề thi tôi vô tình chọn vào.

Thứ hai, một câu còn lại là loại câu hỏi 3 đáp án, nhưng không biết tại sao phần mềm vẫn hiện 4 đáp án.

Ngay khi nhận được phản ánh, tôi đã kiểm tra và khắc phục thiếu sót nhằm đảm bảo quyền lợi cho các em sinh viên.

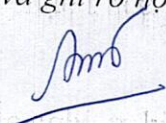
Trên đây là toàn bộ giải trình của tôi về việc câu hỏi trắc nghiệm bị lỗi.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 4 năm 2021

Giảng viên

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Phương Ngọc Anh

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐIỀU CHỈNH ĐIỂM DO SAI SỐ TRONG ĐỀ THI

Môn học: GIÁO DỤC CHÍNH TRI

TT	Mã số sinh viên	Họ và tên sinh viên	Đúng Sai Điểm			Điểm kiểm tra kết thúc Môn học		Điểm tổng kết		Ghi chú
			Đúng	Sai	Điểm	Lần 1	Lần 2	Lần 1	Lần 2	
1	2010100163	Nguyễn Thị Thu								
2	2010100164	Nguyễn Thị Như	0	2	0,4	9				
3	2010100165	Mai Bảo	0	2	0,4	8,4				
4	2010100166	Nguyễn Thị Minh	0	2	0,4	8,6				
5	2010100167	Hồ Thị Thủy	0	2	0,4	9,2				
6	2010100168	Nguyễn Thị Mỹ	0	2	0,4	8				
7	2010100131	Nguyễn Thị Mỹ	0	2	0,4	8,2				
8	2010100170	Võ Lê Ngọc	0	2	0,4	6,2				
9	2010100171	Lâm Thùy	0	2	0,4	9,8				
10	2010100172	Võ Thị Thủy	0	2	0,4	8,8				
11	2010100173	Trần Nguyễn Phương	0	2	0,4	8,6				
12	2010100174	Ngô Trần Phúc	0	2	0,4	7,8				
13	2010100175	Nguyễn Thị Ngọc	0	2	0,4	9,6				
14	2010100176	Bùi Thị Bích	0	2	0,4	8,8				
15	2010100177	Nguyễn Thị Mỹ	0	2	0,4	9,4				
16	2010100178	Nguyễn Thụy Ngọc	0	2	0,4	8,4				
17	2010100179	Khương Nhật								
18	2010100180	Trương Văn	0	2	0,4	6,4				
19	2010100181	Đoàn Thị	0	2	0,4	9,4				
20	2010100182	Nguyễn Thị Mỹ	0	2	0,4	9,6				
21	2010100183	Nguyễn Thị Như	0	2	0,4	8,6				
22	2010100184	Nguyễn Quang								
23	2010100185	Lương Chánh	0	2	0,4	9,2				
24	2010100186	Lê Thanh								
25	2010100187	Dinh Gia	0	2	0,4	6,6				
26	2010100188	Phạm Đăng	0	2	0,4	8,8				
27	2010100189	Phạm Ngọc	0	2	0,4	8,8				
28	2010100190	Nguyễn Thị Nhà	0	2	0,4	9,6				
29	2010100191	Phạm Hoàng Duy	0	2	0,4	8,2				
30	2010100192	Trần Thị Trúc								

31	2010100193	Nguyễn Ngọc	Long	0	2	0,4	8,8				
32	2010100194	Trần Mạnh	Long	0	2	0,4	8,2				
33	2010100195	Nguyễn Võ Tấn	Luận	0	2	0,4	7,2				
34	2010100196	Từ Lâm Yến	Mi	1	1	0,2	8,8				
35	2010100197	Đỗ Tuyết	Minh	0	2	0,4	8,6				
36	2010100198	Lê Bình	Minh	0	2	0,4	8,6				
37	2010100199	Nguyễn Đức	Minh	0	2	0,4	5,8				
38	2010100200	Huỳnh Thanh	Nga	0	2	0,4	6				
39	2010100201	Đào Ngọc Kim	Ngân	0	2	0,4	8,4				
40	2010100202	Nguyễn Trần Trọng	Nghĩa	0	2	0,4	7,8				
41	2010100203	Đoàn Thị Mỹ	Nhân	0	2	0,4	7				
42	2010100204	Trần Cao Ngọc	Nhi	0	2	0,4	5,6				
43	2010100205	Nguyễn Thị	Oanh								
44	2010100206	Trần Thị Kiều	Oanh	0	2	0,4	6,4				
45	2010100207	Quách Minh	Phi	0	2	0,4	7,2				
46	2010100208	Trần Anh Hoàng	Phi	0	2	0,4	7,8				
47	2010100209	Đinh Chấn	Phong	0	2	0,4	6,4				
48	2010100210	Nguyễn Thái	Phong	0	2	0,4	7				
49	2010100211	Võ Lê Thiên	Phù								
50	2010100212	Nguyễn Thị Thanh	Phượng	0	2	0,4	6,6				
51	2010100213	Đào Võ Xuân	Quang	0	2	0,4	7,8				
52	2010100214	Nguyễn Đình	Quốc	0	2	0,4	6,8				
53	2010100215	Bùi Ngọc	Quỳnh	0	2	0,4	6,6				
54	2010100216		Sakyna	0	2	0,4	6,8				
55	2010100217	Nguyễn Thị Ngọc	Sang	0	2	0,4	6,6				
56	2010100218	Nguyễn Hoàng	Son	1	1	0,2	6,4				
57	2010100219	Phan Hữu	Tài	0	2	0,4	7,2				
58	2010100220	Lê Văn	Tâm	0	2	0,4	8,8				
59	2010100221	Lê Minh	Tân	1	1	0,2	8,4				
60	2010100222	Nguyễn Trí	Thanh	0	2	0,4	8,6				
61	2010100223	Châu Thanh	Thao	0	2	0,4	6,8				
62	2010100224	Hồ Đỗ Trung	Thảo	0	2	0,4	8,6				
63	2010100225	Lê Huỳnh Thu	Thảo	0	2	0,4	7,2				
64	2010100226	Nguyễn Thuận	Thao	0	2	0,4	9,2				
65	2010100227	Phạm Thị Thu	Thao	0	2	0,4	7,8				

66	2010100228	Tô Loan	Thao	0	2	0,4	8,4				
67	2010100229	Phạm Thị Hồng	Thăm	0	2	0,4	9,4				
68	2010100230	Võ Hồng	Thăm	0	2	0,4	7,4				
69	2010100231	Trần Quốc	Thắng	0	2	0,4	8,8				
70	2010100232	Trương Minh	Thiện	0	2	0,4	7,6				
71	2010100233	Nguyễn Tuệ	Thư	0	2	0,4	8,2				
72	2010100234	Võ Ngọc Anh	Thư	0	2	0,4	9				
73	2010100235	Huỳnh Thị Cẩm	Tiên	0	2	0,4	8,4				
74	2010100236	Nguyễn Hoàng Thủy	Tiên	0	2	0,4	7				
75	2010100237	Lưu Thảo	Trang	0	2	0,4	8,4				
76	2010100238	Nguyễn Thị Ngọc	Trang	0	2	0,4	9,2				
77	2010100239	Trần Thu	Trâm	1	1	0,2	6,6				
78	2010100240	Nguyễn Thị Ngọc	Trần	0	2	0,4	9				
79	2010100241	Nguyễn Huỳnh Quế	Triều	0	2	0,4	7,8				
80	2010100242	Tạ Thiên	Trung	0	2	0,4	7,2				
81	2010100243	Bùi Lê Đức	Truyền	0	2	0,4	6,4				
82	2010100244	Đặng Văn	Luân	0	2	0,4	8				
83	2010100245	Dương Minh	Tuyết	1	1	0,2	8,4				
84	2010100246	Nguyễn Thanh	Vân	0	2	0,4	6,8				
85	2010100247	Hồ Văn	Vi	0	2	0,4	7				
86	2010100248	Trần Ngọc Thủy	Vy	0	2	0,4	6,8				
87	2010100249	Cao Nguyễn Phương	Xuyến	0	2	0,4	7				
88	2010100250	Nguyễn Thị Kim	Xuyến	0	2	0,4	6,8				

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 4 năm 2021

GIANG VIÊN

(Ký và ghi rõ Họ và tên)



Nguyễn Phương Ngọc Anh

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÁN CÔNG CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ: 2 - Năm học 2020-2021

Môn học: Giáo dục chính trị

Mã bài thi: 9HA6TJ

Thời gian thi: 15/04/2021 15:15:00

Thời gian kết thúc: 15/04/2021 15:15:00

Giám thị 1: Le Trung Sanh Ký tên: ah

Giám thị 2: Phan Thanh Tú Ký tên: phung

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010100123	Từ Lâm Yên Mi	06/07/2002	<u>Yam</u>	8.6	Tám, sáu	C22QT4	
2	2010100185	Đỗ Tuyết Minh	04/07/2002	<u>Do</u>	8.2	Tám, hai	C22QT6	
3	2010100188	Lê Bình Minh	16/09/2002	<u>ch</u>	8.2	Tám, hai	C22QT6	
4	2010100164	Nguyễn Hoàng Sơn	24/04/2002	<u>Son</u>	6.2	Sáu, hai	C22QT5	
5	2010100137	Phan Hữu Tài	30/10/2002	<u>Tai</u>	6.8	Sáu, tám	C22QT4	
6	2010100170	Lê Văn Tâm	07/08/2002	<u>Van Tam</u>	8.4	Tám, bốn	C22QT5	
7	2010100181	Lê Minh Tân	06/09/2002	<u>Tan</u>	8.2	Tám, hai	C22QT6	
8	2010100157	Võ Hồng Thắm	09/03/2002	<u>Tham</u>	7	Bảy	C22QT5	
9	2010100162	Phạm Thị Hồng Thắm	02/10/2002	<u>Tham</u>	9	Chín	C22QT5	
10	2010100133	Trần Quốc Thắng	03/10/2002	<u>Thang</u>	8.4	Tám, bốn	C22QT4	
11	2010100141	Nguyễn Trí Thanh	11/04/2001	<u>Thanh</u>	8.2	Tám, hai	C22QT5	
12	2010100153	Hồ Đỗ Trung Thảo	15/09/2001	<u>Thao</u>	8.2	Tám, hai	C22QT5	
13	2010100155	Nguyễn Thuận Thảo	26/12/1993	<u>Thao</u>	8.8	Tám, tám	C22QT5	
14	2010100118	Lê Huỳnh Thu Thảo	12/12/2002	<u>Thao</u>	6.8	Sáu, tám	C22QT4	
15	2010100160	Tô Loan Thảo	18/04/2002	<u>Thao</u>	8	Tám	C22QT5	
16	2010100161	Phạm Thị Thu Thảo	11/02/2002	<u>Thao</u>	7.4	Bảy, bốn	C22QT5	
17	2010130025	Châu Thanh Thảo	26/07/2002	<u>Thao</u>	6.4	Sáu, bốn	C22QT5	
18	2010100110	Trương Minh Thiện	22/11/2002	<u>Thien</u>	7.2	Bảy, hai	C22QT4	
19	2010100145	Võ Ngọc Anh Thư	29/10/2002	<u>Thur</u>	8.2	Tám, hai	C22QT5	
20	2010100152	Nguyễn Tuệ Thư	01/09/2002	<u>Thur</u>	7.8	Bảy, tám	C22QT5	
21	2010100183	Nguyễn Hoàng Thùy Tiên	16/12/2002	<u>Tien</u>	8	Tám	C22QT6	
22	2010100193	Huỳnh Thị Cẩm Tiên	06/03/2002	<u>Tien</u>	8.6	Tám, sáu	C22QT5	
23	2010100176	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	09/10/2002	<u>Tram</u>	6.4	Sáu, bốn	C22QT6	
24	2010100149	Nguyễn Huỳnh Quế Trân	27/07/2002	<u>Tran</u>	8.6	Tám, sáu	C22QT4	
25	2010100109	Lưu Thảo Trang	10/11/2000	<u>Trang</u>	6.6	Sáu, sáu	C22QT4	
26	2010100126	Trần Thu Trang	27/12/2002	<u>Trang</u>	8.8	Tám, tám	C22QT4	
27	2010100128	Nguyễn Thị Ngọc Trang	06/05/2001	<u>Trang</u>	8	Tám	C22QT4	
28	2010100186	Tạ Thiên Triều	27/11/2002	<u>Triu</u>	7.4	Bảy, bốn	C22QT6	
29	2010100196	Bùi Lê Đức Trung	17/10/2002	<u>Trung</u>	6.8	Sáu, tám	C22QT5	
30	2010100127	Đặng Văn Truyền	27/01/2002	<u>Truyen</u>	6	Sáu	C22QT4	
31	2010100132	Nguyễn Thanh Tuyết	26/11/2002	<u>Tuyen</u>	7.6	Bảy, sáu	C22QT4	
32	2010100120	Hồ Văn Văn	07/07/2002	<u>Van</u>	8.2	Tám, hai	C22QT4	
33	2010100140	Trần Ngọc Thúy Vi	24/09/2001	<u>Vi</u>	6.4	Sáu, bốn	C22QT5	
34	2010100156	Cao Nguyễn Phương Vy	06/09/2002	<u>Vy</u>	6.6	Sáu, sáu	C22QT5	
35	2010100112	Nguyễn Thị Kim Xuyên	27/02/2002	<u>Xuyen</u>	6.4	Sáu, bốn	C22QT5	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 35

Số sinh viên đạt: 35

Ngày ____ tháng ____ năm 2021

Ngày 17 tháng 4 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/PHÒNG

(ký & ghi rõ họ tên)

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



Nguyễn Phương Ngọc Anh

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Giáo dục chính trị - MH1109014

Mã lớp học phần: MH110901402

Số tín chỉ: 4

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Phương Ngọc Anh

Ngày thi: 15/04/2021

Giờ thi: 15h15

Phòng thi: PM 1

Giám thị 1: Đ. J. Linh

Ký tên: Đ. J. Linh

Giám thị 2: NLPoas

Ký tên: NLPoas

Giám thị 3: _____

Ký tên: _____

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010110012	Nguyễn Thị Như Bình	01/08/2002	<u>Nguyễn Thị Như Bình</u>		8.6	Tám, sáu	C22QT4	
2	2010100150	Mai Bảo Châu	15/10/2002	<u>Châu</u>		8.0	Tám chẵn	C22QT5	
3	2010100138	Nguyễn Thị Minh Châu	30/07/2002	<u>Châu</u>		8.6	Tám, sáu	C22QT4	
4	2010100116	Hồ Thị Thùy Dung	11/05/2002	<u>Dung</u>		9.2	Chín, hai	C22QT4	
5	2010100108	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	23/07/2002	<u>Nguyễn Thị Mỹ Duyên</u>		8.0	Tám chẵn	C22QT4	
6	2010100131	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	01/02/2002	<u>Duyên</u>		8.2	Tám, hai	C22QT4	
7	2010100122	Võ Lê Ngọc Duyên	23/02/2002	<u>Nguyễn Thị Mỹ Duyên</u>		6.2	Sáu, hai	C22QT4	
8	2010100129	Lâm Thùy Dương	17/08/2002	<u>Thùy Dương</u>		9.8	Chín, tám	C22QT4	
9	2010100110	Võ Thị Thùy Dương	10/10/2002	<u>Thùy Dương</u>		8.8	Tám, tám	C22QT4	
10	2010100119	Trần Nguyễn Phương Đào	06/05/2002	<u>Đào</u>		8.6	Tám, sáu	C22QT4	
11	2010100175	Ngô Trần Phúc Đại	18/03/2002	<u>Đại</u>		7.8	Bảy, tám	C22QT6	
12	2010100184	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	29/05/2002	<u>Diệp</u>		9.6	Chín, sáu	C22QT6	
13	2010100151	Bùi Thị Bích Hạ	09/12/2002	<u>Hạ</u>		8.8	Tám, tám	C22QT5	
14	2010110018	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	27/02/2001	<u>Hạnh</u>		9.4	Chín, bốn	C22QT4	
15	2010100154	Nguyễn Thụy Ngọc Hiền	29/08/2002	<u>Hiền</u>		8.4	Tám, bốn	C22QT5	
16	2010100101	Trương Văn Hiếu	01/01/2002	<u>Hiếu</u>		6.4	Sáu, bốn	C22QT4	
17	2010100192	Đoàn Thị Hoài	15/06/2002	<u>Hoài</u>		9.4	Chín, bốn	C22QT6	
18	2010100124	Nguyễn Thị Mỹ Huyền	20/05/2002	<u>Huyền</u>		9.6	Chín, sáu	C22QT4	
19	2010100146	Nguyễn Thị Như Huỳnh	19/10/2002	<u>Huỳnh</u>		8.6	Tám, sáu	C22QT5	
20	2010030033	Lương Chánh Hưng	21/12/2002	<u>Hưng</u>		9.2	Chín, hai	C22DDT	
21	2010100159	Đinh Gia Khang	14/11/2002	<u>Khang</u>		6.6	Sáu, sáu	C22QT5	
22	2010100168	Phạm Đăng Khoa	29/04/2002	<u>Khoa</u>		8.8	Tám, tám	C22QT6	
23	2010100115	Phạm Ngọc Lâm	08/06/2002	<u>Lâm</u>		8.8	Tám, tám	C22QT4	
24	2010100125	Nguyễn Thị Nhã Linh	16/06/2002	<u>Linh</u>		9.6	Chín, sáu	C22QT4	
25	2010100136	Phạm Hoàng Duy Linh	17/11/2002	<u>Linh</u>		8.2	Tám, hai	C22QT4	
26	2010100121	Nguyễn Ngọc Long	14/10/2002	<u>Long</u>		8.8	Tám, tám	C22QT4	
27	2010100174	Trần Mạnh Long	20/11/2000	<u>Long</u>		8.2	Tám, hai	C22QT6	
28	2010100187	Nguyễn Võ Tấn Luận	03/06/2002	<u>Luận</u>		7.2	Bảy, hai	C22QT6	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 28 vắng thi: 0.0 . Số bài thi/Số tờ: 28 / 28 .

Số sinh viên đạt: 28 Tỷ lệ đạt: 100 %

Ngày.....tháng.....năm.....

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày...*12*...tháng...*4*...năm...*2021*

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



Nguyễn Phương Ngọc Anh

TRƯỜNG C
P
KHẢO T



BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Giáo dục chính trị - MH1109014

Mã lớp học phần: MH110901402

Số tín chỉ: 4

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Phương Ngọc Anh

Ngày thi: 15/04/2021

Giờ thi: 15h15

Phòng thi: PM 3

Giám thị 1: Lê Trung Sơn Ký tên: ih

Giám thị 2: Phan Thanh Tùng Ký tên: Tung

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010100123	Từ Lâm Yên Mi	06/07/2002	<u>Yên</u>		8.8	Tám, tám	C22QT4	
2	2010100185	Đỗ Tuyết Minh	04/07/2002	<u>Tuyết</u>		8.6	Tám, sáu	C22QT6	
3	2010100188	Lê Bình Minh	16/09/2002	<u>Bình</u>		8.6	Tám, sáu	C22QT6	
4	2010100164	Nguyễn Hoàng Sơn	24/04/2002	<u>Sơn</u>		6.4	Sáu, bốn	C22QT5	
5	2010100137	Phạm Hữu Tài	30/10/2002	<u>Tài</u>		7.2	Bảy, hai	C22QT4	
6	2010100170	Lê Văn Tâm	07/08/2002	<u>Tâm</u>		8.8	Tám, tám	C22QT6	
7	2010100181	Lê Minh Tân	06/09/2002	<u>Tân</u>		8.4	Tám, bốn	C22QT6	
8	2010100141	Nguyễn Trí Thanh	11/04/2001	<u>Thanh</u>		8.6	Tám, sáu	C22QT5	
9	2010130025	Châu Thanh Thảo	26/07/2002	<u>Thảo</u>		6.8	Sáu, tám	C22QT5	
10	2010100153	Hồ Đỗ Trung Thảo	15/09/2001	<u>Thảo</u>		8.6	Tám, sáu	C22QT5	
11	2010100118	Lê Huỳnh Thu Thảo	12/12/2002	<u>Thảo</u>		7.2	Bảy, hai	C22QT4	
12	2010100155	Nguyễn Thuận Thảo	26/12/1993	<u>Thảo</u>		9.2	Chín, hai	C22QT5	
13	2010100161	Phạm Thị Thu Thảo	11/02/2002	<u>Thảo</u>		7.8	Bảy, tám	C22QT5	
14	2010100160	Tô Loan Thảo	18/04/2002	<u>Thảo</u>		8.4	Tám, bốn	C22QT5	
15	2010100162	Phạm Thị Hồng Thắm	02/10/2002	<u>Thắm</u>		9.4	Chín, bốn	C22QT5	
16	2010100157	Võ Hồng Thắm	09/03/2002	<u>Thắm</u>		7.4	Bảy, bốn	C22QT5	
17	2010100133	Trần Quốc Thắng	03/10/2002	<u>Thắng</u>		8.8	Tám, tám	C22QT4	
18	2010100110	Trương Minh Thiện	22/11/2002	<u>Thiện</u>		7.6	Bảy, sáu	C22QT4	
19	2010100152	Nguyễn Tuệ Thư	01/09/2002	<u>Thư</u>		8.2	Tám, hai	C22QT5	
20	2010100145	Võ Ngọc Anh Thư	29/10/2002	<u>Thư</u>		8.6	Tám, sáu	C22QT5	
21	2010100193	Huỳnh Thị Cẩm Tiên	06/03/2002	<u>Tiên</u>		9.0	Chín, chẵn	C22QT6	
22	2010100183	Nguyễn Hoàng Thùy Tiên	16/12/2002	<u>Tiên</u>		8.4	Tám, bốn	C22QT6	
23	2010100109	Lưu Thảo Trang	10/11/2000	<u>Trang</u>		7.0	Bảy, chẵn	C22QT4	
24	2010100128	Nguyễn Thị Ngọc Trang	06/05/2001	<u>Trang</u>		8.4	Tám, bốn	C22QT4	
25	2010100126	Trần Thu Trang	27/12/2002	<u>Trang</u>		9.2	Chín, hai	C22QT4	
26	2010100176	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	09/10/2002	<u>Trâm</u>		6.6	Sáu, sáu	C22QT6	
27	2010100149	Nguyễn Huỳnh Quế Trân	27/07/2002	<u>Trân</u>		9.0	Chín, chẵn	C22QT4	
28	2010100186	Tạ Thiên Triều	27/11/2002	<u>Triều</u>		7.8	Bảy, tám	C22QT6	
29	2010100196	Bùi Lê Đức Trung	17/10/2002	<u>Trung</u>		7.2	Bảy, hai	C22QT5	
30	2010100127	Đặng Văn Truyền	27/01/2002	<u>Truyền</u>		6.4	Sáu, bốn	C22QT4	
31	2010100132	Nguyễn Thanh Tuyết	26/11/2002	<u>Tuyết</u>		8.0	Tám, chẵn	C22QT4	
32	2010100120	Hồ Văn Văn	07/07/2002	<u>Văn</u>		8.4	Tám, bốn	C22QT4	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	2010100140	Trần Ngọc Thúy Vi	24/09/2001	<i>Thuy</i>		6.8	Sáu, tám	C22QT5	
34	2010100156	Cao Nguyễn Phương Vy	06/09/2002	<i>Phuong Vy</i>		7.0	Bảy chẵn	C22QT5	
35	2010100112	Nguyễn Thị Kim Xuyên	27/02/2002	<i>Xuyen</i>		6.8	Sáu, tám	C22QT5	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 35 vắng thi: 0 . Số bài thi/Số tờ: 35 / 35 .

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày.....tháng.....năm.....

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày. 17 tháng 4 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Phuong

Nguyễn Phương Ngọc Anh

TRƯỞNG CI
P
KHẢO T

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Giáo dục chính trị - MH1109014

Mã lớp học phần: MH110901402

Số tín chỉ: 4

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Phương Ngọc Anh

Ngày thi: 15/04/2021

Giờ thi: 15h15

Phòng thi: PM 2

Giám thị 1:

N.V. Đình

Ký tên:

Nguyễn Đình

Giám thị 2:

T.T. Nguyễn

Ký tên:

Nguyễn Thị Thanh

Giám thị 3:

Ký tên:

Giám thị 4:

Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010100167	Nguyễn Đức Minh	08/11/2002	<i>Minh</i>		5.8	Năm, tám	C22QT6	
2	2010100135	Huỳnh Thanh Nga	15/08/2002	<i>Nga</i>		6.0	Sáu, chẵn	C22QT4	
3	2010100114	Đào Ngọc Kim Ngân	04/03/2002	<i>Ngân</i>		8.4	Tám, bốn	C22QT4	
4	2010010048	Nguyễn Trần Trọng Nghĩa	15/07/2002	<i>Nghĩa</i>		7.8	Bảy, tám	C22QT6	
5	2010100117	Đoàn Thị Mỹ Nhân	13/06/2002	<i>Nhân</i>		7.0	Bảy, chẵn	C22QT4	
6	2010100171	Trần Cao Ngọc Nhi	20/09/2002	<i>Nhi</i>		5.6	Năm, sáu	C22QT6	
7	2010100158	Trần Thị Kiều Oanh	24/10/2001	<i>Oanh</i>		6.4	Sáu, bốn	C22QT5	
8	2010100113	Quách Minh Phi	10/05/2002	<i>Phi</i>		7.2	Bảy, hai	C22QT4	
9	2010100165	Trần Anh Hoàng Phi	24/05/2002	<i>Phi</i>		7.8	Bảy, tám	C22QT5	
10	2010010042	Đinh Chấn Phong	08/09/2002	<i>Phong</i>		6.4	Sáu, bốn	C22QT6	
11	2010100134	Nguyễn Thái Phong	22/04/2002	<i>Phong</i>		7.0	Bảy, chẵn	C22QT4	
12	2010100166	Nguyễn Thị Thanh Phương	15/10/2002	<i>Phương</i>		6.6	Sáu, sáu	C22QT6	
13	2010100107	Đào Võ Xuân Quang	12/02/2002	<i>Quang</i>		7.8	Bảy, tám	C22QT4	
14	2010100189	Nguyễn Đình Quốc	14/08/1999	<i>Quốc</i>		6.8	Sáu, tám	C22QT6	
15	2010100169	Bùi Ngọc Quyên	06/12/2002	<i>Quyên</i>		6.6	Sáu, sáu	C22QT6	
16	2010100130	Sakyna	22/12/2002	<i>Sakyna</i>		6.8	Sáu, tám	C22QT4	
17	2010100190	Nguyễn Thị Ngọc Sang	12/01/2002	<i>Sang</i>		6.6	Sáu, sáu	C22QT6	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 17 vắng thi: 0 . Số bài thi/Số tờ: 17 / 17 .

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày.....tháng.....năm.....

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 15 tháng 4 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Phương Ngọc Anh

Nguyễn Phương Ngọc Anh

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÁN CÔNG CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ: 2 - Năm học 2020-2021

Môn học: Giáo dục chính trị

Mã bài thi: 2S4DAR

Thời gian thi: 15/04/2021 15:15:00

Thời gian kết thúc: 15/04/2021 15:15:00

Giám thị 1: A. T. Linh Ký tên: at

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010110012	Nguyễn Thị Như Bình	01/08/2002	<u>thub</u>	8.2	Tám, hai	C22QT4	
2	2010100138	Nguyễn Thị Minh Châu	30/07/2002	<u>chm</u>	8.2	Tám, hai	C22QT4	
3	2010100150	Mai Bảo Châu	15/10/2002	<u>mbc</u>	7.6	Bảy, sáu	C22QT5	
4	2010100175	Ngô Trần Phúc Đại	18/03/2002	<u>ngt</u>	7.4	Bảy, bốn	C22QT5	
5	2010100119	Trần Nguyễn Phương Đào	06/05/2002	<u>td</u>	8.2	Tám, hai	C22QT4	
6	2010100184	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	29/05/2002	<u>ntn</u>	9.2	Chín, hai	C22QT6	
7	2010100116	Hồ Thị Thùy Dung	11/05/2002	<u>hthd</u>	8.8	Tám, tám	C22QT4	
8	2010100111	Võ Thị Thùy Dương	10/10/2002	<u>vttd</u>	8.4	Tám, bốn	C22QT4	
9	2010100129	Lâm Thùy Dương	17/08/2002	<u>lttd</u>	9.4	Chín, bốn	C22QT4	
10	2010100131	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	01/02/2002	<u>ntmd</u>	7.8	Bảy, tám	C22QT4	
11	2010100122	Võ Lê Ngọc Duyên	23/02/2002	<u>vlnd</u>	5.8	Năm, tám	C22QT4	
12	2010100108	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	23/07/2002	<u>ntmd</u>	7.6	Bảy, sáu	C22QT4	
13	2010100151	Bùi Thị Bích Hạ	09/12/2002	<u>bthh</u>	8.4	Tám, bốn	C22QT5	
14	2010110018	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	27/02/2001	<u>ntmh</u>	9	Chín	C22QT4	
15	2010100154	Nguyễn Thụy Ngọc Hiền	29/08/2002	<u>ntng</u>	8	Tám	C22QT5	
16	2010100101	Trương Văn Hiếu	01/01/2002	<u>tvh</u>	6	Sáu	C22QT4	
17	2010100192	Đoàn Thị Hoài	15/06/2002	<u>dt</u>	9	Chín	C22QT6	
18	2010030033	Lương Chánh Hưng	21/12/2002	<u>lch</u>	8.8	Tám, tám	C22DDT	
19	2010100124	Nguyễn Thị Mỹ Huyền	20/05/2002	<u>ntmh</u>	9.2	Chín, hai	C22QT4	
20	2010100146	Nguyễn Thị Như Huỳnh	19/10/2002	<u>ntnh</u>	8.2	Tám, hai	C22QT5	
21	2010100159	Đinh Gia Khang	14/11/2002	<u>dgk</u>	6.2	Sáu, hai	C22QT5	
22	2010100168	Phạm Đăng Khoa	29/04/2002	<u>pdk</u>	8.4	Tám, bốn	C22QT5	
23	2010100115	Phạm Ngọc Lâm	08/06/2002	<u>pnl</u>	8.4	Tám, bốn	C22QT4	
24	2010100125	Nguyễn Thị Nhã Linh	16/06/2002	<u>ntnl</u>	9.2	Chín, hai	C22QT4	
25	2010100136	Phạm Hoàng Duy Linh	17/11/2002	<u>phdl</u>	7.8	Bảy, tám	C22QT4	
26	2010100174	Trần Mạnh Long	20/11/2000	<u>tml</u>	7.8	Bảy, tám	C22QT5	
27	2010100121	Nguyễn Ngọc Long	14/10/2002	<u>nnl</u>	8.4	Tám, bốn	C22QT4	
28	2010100187	Nguyễn Võ Tấn Luận	03/06/2002	<u>ntvl</u>	6.8	Sáu, tám	C22QT6	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 28

Số sinh viên đạt: 28

Ngày ____ tháng ____ năm 2021

TRƯỞNG KHOA/PHÒNG

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 17 tháng 4 năm 2021

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Phương Ngọc Anh

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÁN CÔNG CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ: 2 - Năm học 2020-2021

Môn học: Giáo dục chính trị

Mã bài thi: SFUE99

Thời gian thi: 15/04/2021 15:15:00

Thời gian kết thúc: 15/04/2021 15:15:00

Giám thị 1: N. V. Trinh Ký tên: Ny
Giám thị 2: T. T. Nguyễn Ký tên: T. T. Nguyễn
Giám thị 3: _____ Ký tên: _____
Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010100167	Nguyễn Đức Minh	08/11/2002	<u>Minh</u>	5.4	Năm, bốn	C22QT5	
2	2010100135	Huỳnh Thanh Nga	15/08/2002	<u>Nga</u>	5.6	Năm, sáu	C22QT4	
3	2010100114	Đào Ngọc Kim Ngân	04/03/2002	<u>Ngân</u>	8	Tám	C22QT4	
4	2010010048	Nguyễn Trần Trọng Nghĩa	15/07/2002	<u>Nghe</u>	7.4	Bảy, bốn	C22QT6	
5	2010100117	Đoàn Thị Mỹ Nhân	13/06/2002	<u>Nhan</u>	6.6	Sáu, sáu	C22QT4	
6	2010100171	Trần Cao Ngọc Nhi	20/09/2002	<u>Nhi</u>	5.2	Năm, hai	C22QT5	
7	2010100158	Trần Thị Kiều Oanh	24/10/2001	<u>Oanh</u>	6	Sáu	C22QT5	
8	2010100165	Trần Anh Hoàng Phi	24/05/2002	<u>Phi</u>	7.4	Bảy, bốn	C22QT5	
9	2010100113	Quách Minh Phi	10/05/2002	<u>Phi</u>	6.8	Sáu, tám	C22QT4	
10	2010010042	Đinh Chấn Phong	08/09/2002	<u>Phong</u>	6	Sáu	C22QT6	
11	2010100134	Nguyễn Thái Phong	22/04/2002	<u>Phong</u>	6.6	Sáu, sáu	C22QT4	
12	2010100166	Nguyễn Thị Thanh Phương	15/10/2002	<u>Phuong</u>	6.2	Sáu, hai	C22QT5	
13	2010100107	Đào Võ Xuân Quang	12/02/2002	<u>Quang</u>	7.4	Bảy, bốn	C22QT4	
14	2010100189	Nguyễn Đình Quốc	14/08/1999	<u>Quoc</u>	6.4	Sáu, bốn	C22QT6	
15	2010100169	Bùi Ngọc Quyên	06/12/2002	<u>Quyên</u>	6.2	Sáu, hai	C22QT5	
16	2010100130	Sakyna	22/12/2002	<u>Sakyna</u>	6.4	Sáu, bốn	C22QT4	
17	2010100190	Nguyễn Thị Ngọc Sang	12/01/2002	<u>Sang</u>	6.2	Sáu, hai	C22QT6	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 17

Số sinh viên đạt: 17

Ngày ____ tháng ____ năm 2021

TRƯỞNG KHOA/PHÒNG

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 15 tháng 4 năm 2021

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Phương Ngọc Anh